

SỞ GDĐT NAM ĐỊNH**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỘI THI TOÁN VÀ CÁC MÔN KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH
KHỐI THPT NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN VẬT LÝ LỚP 11****PHÒNG THI SỐ 1**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Ghi chú
1	VL01	Trần Văn An	21/04/2004	11A2	Mỹ Lộc	
2	VL02	Nguyễn Văn An	19/9/2004	11A1	THPT Xuân Trường B	
3	VL03	Trần Thị Vân Anh	11/07/2004	11T2	A Nghĩa Hưng	
4	VL04	Phạm Tuấn Anh	15/06/2004	11A1	Giao Thủy	
5	VL05	Bùi Tuấn Anh	20/07/2004	11A1	Lý Tự Trọng	
6	VL06	Phạm Quang Anh	12/07/2004	11A1	Lương Thế Vinh	
7	VL07	Cao Vân Anh	11/03/2004	11A5	Nguyễn Khuyến	
8	VL08	Trần Tuấn Anh	16/03/2004	11A1	Trực Ninh	
9	VL09	Bùi Ngọc Ánh	26/11/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
10	VL10	Đỗ Ngọc Ánh	17/02/2004	11A1	THPT Nguyễn Bính	
11	VL11	Trần Hoài Ân	23/02/2004	11A	Trực Ninh B	
12	VL12	Trần Gia Bảo	13/10/2004	11A1	THPT Trần Hưng Đạo	
13	VL13	Nguyễn Văn Bằng	16/01/2004	11A8	Tổng Văn Trân	
14	VL14	Mai Văn Bằng	12/10/2004	11A1	THPT Xuân Trường B	
15	VL15	Trần Đức Chính	31/03/2004	11A1	Trực Ninh	
16	VL16	Đặng Hà Dân	04/06/2004	11A5	THPT Trần Hưng Đạo	
17	VL17	Phạm Ngọc Diệp	8/10/2004	11A1	Giao Thủy	
18	VL18	Trần Minh Doanh	29/07/2004	11A	Trực Ninh B	
19	VL19	Vũ Văn Dũng	22/06/2004	11A	Trực Ninh B	
20	VL20	Vũ Quang Duy	21/11/2004	11A1	Nguyễn Đức Thuận	
21	VL21	Nguyễn Thị Mai Duyên	15/11/2004	11A1	THPT B NGHĨA HƯNG	

Danh sách này gồm 21 học sinh./.

BAN TỔ CHỨC

SỞ GDĐT NAM ĐỊNH**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỘI THI TOÁN VÀ CÁC MÔN KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH
KHỐI THPT NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN VẬT LÝ LỚP 11****PHÒNG THI SỐ 2**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Ghi chú
1	VL22	Đặng Đức Dương	14/11/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
2	VL23	Tạ Vũ Khánh Dương	30/08/2004	11A	Trần Văn Bảo	
3	VL24	Đình Đức Đô	06/11/2004	11A2	THPT Lê Quý Đôn	
4	VL25	Đoàn Anh Đức	31/01/2004	11A1	Nguyễn Đức Thuận	
5	VL26	Hoàng Xuân Đức	20/06/2004	11A1	THPT Nam Trực	
6	VL27	Nguyễn Thị Thu Hà	25/12/2004	11A1	THPT B NGHĨA HƯNG	
7	VL28	Nguyễn Minh Hiếu	07/02/2004	11A1	Hoàng Văn Thụ	
8	VL29	Đặng Đức Hiếu	09/12/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
9	VL30	Nguyễn Minh Hiếu	21/01/2004	11A1	Mỹ Lộc	
10	VL31	Trần Đình Minh Hiếu	25/01/2004	11A1	THPT Nguyễn Bính	
11	VL32	Trần Trung Hiệu	11/10/2004	11A1	Trần Văn Lan	
12	VL33	Bùi Thị Hoa	19/06/2004	11A1	Tổng Văn Trân	
13	VL34	Phan Văn Hoài	10/02/2004	11A1	Nguyễn Đức Thuận	
14	VL35	Trần Văn Hoàn	02/01/2004	11A1	THPT Nguyễn Bính	
15	VL36	Trần Huy Hoàng	21/10/2004	11A1	Mỹ Lộc	
16	VL37	Trần Trung Hoàng	01/01/2004	11A1	THPT Xuân Trường B	
17	VL38	Phạm Huy Hùng	01/07/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
18	VL39	Lê Mạnh Hùng	01/10/2004	11A2	Mỹ Lộc	
19	VL40	Trần Mạnh Hùng	10/12/2004	11A1	Trực Ninh	
20	VL41	Đoàn Quang Huy	27/01/2004	11A2	Lý Tự Trọng	
21	VL42	Trần Thế Huy	18/08/2004	11A1	Lương Thế Vinh	

Danh sách này gồm 21 học sinh./.

BAN TỔ CHỨC

SỞ GDĐT NAM ĐỊNH**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỘI THI TOÁN VÀ CÁC MÔN KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH
KHỐI THPT NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN VẬT LÝ LỚP 11****PHÒNG THI SỐ 3**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Ghi chú
1	VL43	Nguyễn Vũ Huy	18/08/2004	11A5	Nguyễn Khuyến	
2	VL44	Vũ Ngọc Huyền	01/09/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
3	VL45	Trần Thị Huyền	8/6/2004	11A1	Trần Văn Lan	
4	VL46	Trần Việt Hưng	21/08/2004	11T2	A Nghĩa Hưng	
5	VL47	Vũ Huy Kiên	20/12/2004	11A1	Hoàng Văn Thụ	
6	VL48	Nguyễn Ngọc Kiệt	11/03/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
7	VL49	Trần Minh Kỳ	05/11/2004	11A2	THPT Lê Quý Đôn	
8	VL50	Cao Duy Khánh	06/03/2004	11A1	Giao Thủy	
9	VL51	Hoàng Thanh Lâm	19/01/2004	11A1	THPT Trần Hưng Đạo	
10	VL52	Đình Quang Linh	02/07/2004	11A8	Tổng Văn Trân	
11	VL53	Đàm Khánh Linh	05/01/2004	11A1	A Nghĩa Hưng	
12	VL54	Vũ Ngọc Phương Linh	12/12/2004	11A1	THPT A Hải Hậu	
13	VL55	Đặng Thùy Linh	11/10/2004	11A2	THPT Lê Quý Đôn	
14	VL56	Nguyễn Thị Linh	03/06/2004	11A1	Lý Tự Trọng	
15	VL57	Phạm Quang Linh	06/04/2004	11A1	THPT Nguyễn Bỉnh	
16	VL58	Phan Thị Thùy Linh	18/02/2004	11A1	Nguyễn Đức Thuận	
17	VL59	Đặng Khánh Linh	11/12/2004	11A1	Nguyễn Khuyến	
18	VL60	Lê Thị Khánh Linh	01/07/2004	11A1	THPT Nam Trực	
19	VL61	Phan Diệu Linh	18/10/2004	11D	Trần Văn Bảo	
20	VL62	Vũ Ngọc Long	04/12/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
21	VL63	Đông Thị Luyến	2/07/2004	11A8	THPT A Hải Hậu	

Danh sách này gồm 21 học sinh./.

BAN TỔ CHỨC

SỞ GDĐT NAM ĐỊNH**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỘI THI TOÁN VÀ CÁC MÔN KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH
KHỐI THPT NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN VẬT LÝ LỚP 11****PHÒNG THI SỐ 4**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Ghi chú
1	VL64	Phan Thị Lương	09/04/2004	11A1	THPT Nam Trực	
2	VL65	Đinh Thị Ly	25/06/2004	11A8	Tổng Văn Trân	
3	VL66	Nguyễn Thị Ngọc Minh	15/09/2004	11A1	Tổng Văn Trân	
4	VL67	Phạm Văn Minh	16/12/2003	11A1	Hoàng Văn Thụ	
5	VL68	Trần Văn Nam	13/06/2004	11A1	Hoàng Văn Thụ	
6	VL69	Vũ Ngọc Nam	05/4/2004	11A1	THPT Nam Trực	
7	VL70	Trần Thị Minh Nguyệt	18/01/2004	11A1	Lương Thế Vinh	
8	VL71	Đặng Thị Thu Nguyệt	28/05/2004	11A1	THPT Nam Trực	
9	VL72	Trần Minh Nhật	23/06/2004	11A1	THPT Trần Hưng Đạo	
10	VL73	Mai Yên Nhi	5/09/2004	11A1	THPT A Hải Hậu	
11	VL74	Bùi Thị Hồng Nhung	12/07/2004	11A1	THPT A Hải Hậu	
12	VL75	Đinh Toàn Phát	02/07/2004	11A2	THPT Lê Quý Đôn	
13	VL76	Vũ Hoài phong	"24/12/2004	11A2	THPT B NGHĨA HƯNG	
14	VL77	Trần Thành Phong	27/02/2004	11A1	Hoàng Văn Thụ	
15	VL78	Cù Tất Ngọc Phúc	18/02/2004	11A8	Tổng Văn Trân	
16	VL79	Nguyễn Văn Phúc	08/08/2004	11A1	Nguyễn Đức Thuận	
17	VL80	Đinh Thu Phương	03/09/2004	11A5	THPT Trần Hưng Đạo	
18	VL81	Trần Văn Phụng	11/01/2004	11A1	THPT B NGHĨA HƯNG	
19	VL82	Trần Duy Quang	25/09/2004	11A1	Trần Văn Lan	
20	VL83	Nguyễn Minh Quân	08/07/2004	11A1	Lý Tự Trọng	
21	VL84	Vũ Thị Minh Quý	05/03/2004	11A5	Nguyễn Khuyến	
22	VL85	Vũ Minh Quyết	09/06/2004	11A	Trực Ninh B	

Danh sách này gồm 22 học sinh./.

BAN TỔ CHỨC

SỞ GDĐT NAM ĐỊNH**DANH SÁCH HỌC SINH THAM DỰ HỘI THI TOÁN VÀ CÁC MÔN KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH
KHỐI THPT NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN VẬT LÝ LỚP 11****PHÒNG THI SỐ 5**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường THPT	Ghi chú
1	VL86	Trần Văn Sỹ	07/09/2004	11A1	THPT Nguyễn Bính	
2	VL87	Nguyễn Thủy Tiên	04/08/2004	11T1	A Nghĩa Hưng	
3	VL88	Trần Ngọc Tú	30/6/2004	11A1	THPT Xuân Trường B	
4	VL89	Nguyễn Hoàng Tùng	31/03/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
5	VL90	Lương Thị Hồng Tươi	02/02/2004	11A1	THPT Xuân Trường B	
6	VL91	Lưu Thị Thanh	10/05/2004	11A	Trần Văn Bảo	
7	VL92	Phạm Phương Thảo	17/02/2004	11A1	Giao Thủy	
8	VL93	Phan Nguyễn Thanh Thảo	09/01/2004	11D	Trần Văn Bảo	
9	VL94	Trần Thanh Thảo	18/09/2004	11A1	Trực Ninh	
10	VL95	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/09/2004	11A	Trực Ninh B	
11	VL96	Vũ Đức Thắng	01/02/2004	11A1	A Nghĩa Hưng	
12	VL97	Phạm Quỳnh Thi	27/09/2004	11D	Trần Văn Bảo	
13	VL98	Nguyễn Thị Lệ Thu	14/10/2004	11A1	THPT B NGHĨA HƯNG	
14	VL99	Trần Thị Thu	04/01/2004	11A1	Mỹ Lộc	
15	VL100	Bùi Thị Thu Thùy	26/08/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
16	VL101	Nguyễn Thị Hồng Thuý	15/7/2004	11A2	Trần Văn Lan	
17	VL102	Lương Thị Thùy Trang	4/01/2004	11A8	THPT A Hải Hậu	
18	VL103	Đỗ Thị Thùy Trang	04/01/2004	11A1	Trực Ninh	
19	VL104	Phạm Xuân Trung	24/08/2004	11A5	Nguyễn Khuyến	
20	VL105	Phan Nhật Trường	02/03/2004	11A1	Giao Thủy	
21	VL106	Đoàn Quốc Việt	02/01/2004	11 Lý	Chuyên Lê Hồng Phong	
22	VL107	Lâm Huy Vũ	02/10/2004	11A1	Lý Tự Trọng	

Danh sách này gồm 22 học sinh./.

BAN TỔ CHỨC